TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H.H1** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/DS - ST
Ngày: 23 - 01 -2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H.H1, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Lịch;

Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi.

- ***Thư ký phiên toà****:* Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.H1, tỉnh Nam Định.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H.H1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2023/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐST – DS, ngày 10 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 5, xã H.H, huyện H.H1, tỉnh Nam Định; "vắng mặt";

Bị đơn: Chị Lã Thị H (tức Lã Thị R), sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 5, xã H.H, huyện H.H1, tỉnh Nam Định, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2023, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Hoàng Thị N trình bày:

Do là hàng xóm thân thiết nên khi chị Lã Thị R (tức Lã Thị H) hỏi vay tiền bà N đã đồng ý. Khoảng năm 2020, bà N đã nhiều lần cho Chị R vay tiền với tổng số tiền là 500.000.000đồng, mục đích Chị R vay tiền để làm ăn. Hai bên thỏa thuận khi nào bà N yêu cầu thì Chị R phải trả tiền và lãi suất theo thỏa thuận. Việc vay mượn có viết giấy do Chị R viết. Tính đến tháng 3/2020 Chị R

đã trả bà N số tiền 230.000.000đồng, còn nợ lại 270.000.000đồng. Chị R có viết giấy nhận nợ lại số tiền 270.000.000đồng và đưa bà N giữ. Ngoài ra năm 2021, Chị R còn tham gia 01 phường tiền có bà N cùng tham gia và bảo lãnh cho Chị R, hội gồm 25 người chơi, mỗi tháng góp 01 lần, mỗi lần góp 2.000.000đồng, người rút trước phải trả lãi là 300.000đồng/tháng/suất. Chị R tham gia 2 suất và được rút thứ 1 và 2 được 95.000.000đồng (trừ suất của Chị R). Chị R đã đóng hội được tổng số tiền 39.000.000đồng, sau đó không đóng nữa, vì là người bảo lãnh nên bà N phải tiếp tục đóng hội suất Chị R số tiền 46.000.000đồng. Bà N đã nhiều lần yêu cầu Chị R phải trả số tiền vay còn nợ lại và tiền hội nhưng Chị R cố tình không trả. Vì vậy bà N làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc chị Lã Thị R (tức Lã Thị H) phải trả tổng số tiền là 316.000.000đồng, trong đó tiền vay còn nợ lại là 270.000.000đồn và tiền đóng phường là 46.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi.

Ngày 05/01/2024 bà N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Chị R phải trả số tiền góp hội 46.000.000đồng. Bà N không yêu cầu Chị R phải trả số tiền này nữa.

Tại bản tự khai đề ngày 19 tháng 10 năm 2023, bị đơn chị Lã Thị R (tức Lã Thị H) trình bày:

Việc Chị R (Hồng) có vay của bà Hoàng Thị N số tiền 500.000.000đồng và chị đã trả bà N số tiền 230.000.000đồng, còn nợ lại 270.000.000đồng như bà N trình bày là đúng. Đến nay Chị R nhất trí trả bà N số tiền 270.000.000đồng, không phải trả lãi.

Chị R không nợ tiền hội bà N, chị đã trả hết tiền đóng hội cho bà N. Nay bà N yêu cầu Chị R phải trả số tiền đóng hội 46.000.000đồng thì chị không nhất trí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa: Nguyên đơn là bà Hoàng Thị N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Lã Thị R (tức Lã Thị H) vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hợp đồng vay tiền: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

Theo lời khai của bà Hoàng Thị N: Năm 2020, bà có cho chị Lã Thị R (tức Lã Thị H) vay tổng số tiền 500.000.000đồng không xác định thời hạn vay, đến nay Chị R đã trả bà N số tiền 230.000.000đồng, còn nợ lại 270.000.000đồng cũng không xác định thời hạn. Bị đơn chị Lã Thị R (tức Lã Thị H) cũng thừa nhận có vay tiền của bà N và còn nợ của bà N số tiền 270.000.000đồng. Lời khai của các đương sự phù hợp với tài liệu chứng cứ là giấy khất nợ đề tháng 3/2020

có nội dung "*em Hồng còn nợ lại chị Nga 270.000.000*" do Chị R (tức Hồng viết). Như vậy các đương sự đã thống nhất được với nhau về số tiền vay còn nợ lại. Xét thấy việc vay mượn tiền giữa bà N và Chị R là rõ ràng, cụ thể, đã thể hiện ý chí, sự thỏa thuận thống nhất của bên vay và bên cho vay; giao kết giữa hai bên là hợp đồng vay tài sản không xác định thời hạn, không thể hiện lãi suất vay; bà N đã nhiều lần yêu cầu Chị R trả nợ nhưng Chị R không trả nên bà N có quyền khởi kiện Chị R. Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu Chị R phải trả số tiền 270.000.000đồng; buộc chị Lã Thị R (tức Lã Thị H) phải trả bà Hoàng Thị N số tiền 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng). Do bà N không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này, không buộc Chị R phải trả tiền lãi cho bà N.

[3] Đối với yêu cầu đòi số tiền 46.000.000đồng của nguyên đơn: Ngày 05/01/2024 bà N rút yêu cầu Chị R phải trả khoản tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N đối với chị Lã Thị R (tức Lã Thị H).

1.2. Buộc chị Lã Thị R (tức Lã Thị H) phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Hoàng Thị N số tiền 270.000.000đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng).

1.3 Đình chỉ phần yêu cầu của bà Hoàng Thị N về việc yêu cầu chị Lã Thị R (tức Lã Thị H) phải trả số tiền 46.000.000đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 13 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc:

Chị Lã Thị R (tức Lã Thị H) phải nộp số tiền 13.500.000đ (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hoàng Thị N được trả lại số tiền 2.000.0000đ (hai triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0002787 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.H1.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Hoàng Thị N, bị đơn chị Lã Thị R (tức Lã Thị H) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng